TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS-PT
Ngày: 03-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Bà **Trịnh Cẩm Vân**

Ông **Nguyễn Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Phạm Văn Vững -** Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn A,** sinh ngày 10/4/1998; ĐKHKTT và chỗ ở: X1, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2018, chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T,** sinh ngày 06/02/1998; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1969 và bà Đào Thị L, sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/10/2016, Công an thị trấn T, huyện Đ, Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 750.000 đồng, T nộp ngày 13/10/2016; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2018, chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn P,** sinh ngày 14/10/1998, ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 36, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/4/2018, chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Chị **Vũ Thị Mai B**, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Đào Tiến C**, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Chị **Đoàn Thị D**, sinh năm 1989; trú tại: Số 19 đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Chị **Trịnh Thị E**, sinh năm 1982; trú tại: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

5. Anh **Lê Văn G**, sinh năm 1998; trú tại: Thôn D, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

6. Anh **Phạm Quang H**, sinh năm 1989; trú tại: Đội 7 đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

7. Chị **Phạm Thị I**, sinh năm 1992; trú tại: Đội 2 thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương.

8. Chị **Vũ Thị Hương K**, sinh năm 1989; trú tại: 70/133 phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

9. Anh **Lưu Văn L**, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

10. Anh **Phạm Mạnh M**, sinh năm 1989; trú tại: Số 444 đường Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương.

11. Chị **Trần Thị Mai N**, sinh năm 1993; trú tại: Số 444 đường Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương.

12. Chị **Nguyễn Thùy Q**, sinh năm 1995; trú tại: phố T, phường X, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn A không có nghề nghiệp, thuê phòng trọ ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Q, sử dụng máy tính xách tay kết nối mạng internet mở tài khoản đăng nhập mạng xã hội Facebook có tên "Nguyễn Văn D" ("D Nguyễn Văn") đăng bài, ảnh về các loại xe máy được bán với giá rẻ lên các diễn đàn có đông người tham gia gắn nội dung "Mua bán xe máy nhập lậu giá rẻ" và số điện thoại

0963.139.885 để nhiều người biết và liên lạc. Khi có người nào muốn mua xe giá rẻ liên lạc thì A sẽ nhắn tin qua ứng dụng "Messenger" yêu cầu người đó nộp tiền đặt cọc và chuyển chứng minh nhân dân để A đăng ký xe máy cho người đó, sau đó A sử dụng máy tính tạo hình ảnh có hình đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên người mua, tạo hình ảnh xe máy gắn biển số đăng ký gửi cho người đặt mua xe rồi yêu cầu tiếp tục chuyển tiền, hứa hẹn chuyển tiền xong sẽ chuyển xe máy cho người đó để chiếm đoạt tài sản. Thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, A nhờ anh Nguyễn Trần C sinh ngày 22/11/1998 ở tổ 2 thôn 1 xã B - huyện Q -Tỉnh Quảng Nam mở tài khoản số 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C và đăng ký thẻ ATM tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (gọi tắt là Sacombank) - Chi nhánh Đà Nẵng vào ngày 22/01/2018; khi nhờ anh C, A nói dối không có chứng minh nhân dân và đưa số điện thoại 01216670567 để đăng ký thẻ ATM. Sau đó, A rủ Nguyễn Văn T và Nguyễn P đều không có nghề nghiệp cùng tham gia thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; T có nhiệm vụ điện thoại yêu cầu người đặt mua xe máy chuyển tiền, sau đó T hoặc P cầm thẻ ATM đi rút tiền tại các điểm đặt máy ATM của Sacombank hoặc của Ngân hàng khác đưa lại cho A; A chia cho mỗi người 500.000 đồng đối với những lần do A trực tiếp giao dịch lừa đảo qua Facebook; số tiền còn lại A sử dụng cá nhân và chi phí sinh hoạt hàng ngày cho ba người. Quá trình thực hiện hành vi, Nguyễn P cũng đã lập tài khoản đăng nhập mạng xã hội có tên đăng nhập "Nguyễn Hoàng A" để thực hiện hành vi lừa đảo qua việc giao bán xe máy với giá rẻ và sử dụng tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Trần C, số điện thoại 0963.139.885 của A yêu cầu người đặt mua gửi tiền trước để chiếm đoạt, còn A, T là người nghe và gọi điện thoại hướng dẫn và yêu cầu người mua chuyển tiền vào tài khoản.

Bằng thủ đoạn trên, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, Nguyễn P đã thực hiện các hành vi sau:

1. Các hành vi chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 153.000.000 đồng do Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, Nguyễn P cùng tham gia thực hiện.

1.1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng của chị Vũ Thị Mai B sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Ngày 17/01/2018, chị Vũ Thị Mai B sử dụng tài khoản "B Vũ" đăng nhập mạng xã hội Facebook thấy tài khoản "Nguyễn Văn D" giao bán xe máy với giá rẻ, qua giao dịch chị B đặt mua 01 xe máy SH với giá 28.000.000 đồng, A nhắn tin yêu cầu chị B đặt cọc 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và cho số điện thoại 0963.139.885 để liên lạc. Chị B nói lại việc giao dịch mua xe máy cho chồng là anh Đào Tiến C biết. Ngày 24/01/2018, anh C đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh T nộp số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó qua tài khoản Facebook, theo yêu cầu của A, chị B chụp ảnh chứng minh nhân dân của anh C gửi cho A. A lấy các thông tin

của chứng minh nhân dân rồi sử dụng phần mềm photoshop trên máy tính xách tay tạo hình ảnh có hình xe máy gắn biển số, hình giấy đăng ký xe mô tô ghi nội dung thông tin chủ xe là anh Đào Tiến C loại xe SH màu đỏ, biển số đăng ký 34B2-707.04 Công an quận 11 thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2018 rồi gửi tin nhắn cho chị B để chị tin tưởng rồi A tiếp tục nhắn tin qua Facebook Messenger và nhiều lần gọi điện thoại đến số thuê bao 0984696347 của chị B yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản. Ngày 25/01/2018, chị B đến máy ATM ở thị trấn T chuyển vào tài khoản Nguyễn Trần C 04 lần tổng số tiền 23.000.000 đồng cho A rồi chụp hình ảnh giấy nộp tiền chuyển gửi qua tài khoản Facebook cho A. Nhận được tiền của chị B, A chặn tài khoản Facebook và số điện thoại của chị B. Số tiền 25.000.000 đồng chiếm đoạt được của chị B và anh C, T và P rút tiền được chia mỗi người 500.000 đồng, còn A hưởng 24.000.000 đồng sử dụng hết.

1.2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng của chị Đoàn Thị D sinh năm 1989 tại huyện L, tỉnh T; cư trú ở số 19 đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Ngày 20/01/2018, chị Đoàn Thị D sử dụng tài khoản "K" đăng nhập mạng xã hội Facebook thấy tài khoản "Nguyễn Văn D" giao bán xe máy với giá rẻ, qua giao dịch chị D đặt mua 01 xe máy Airblade với giá 17.000.000 đồng. Theo yêu cầu của A, chị D chụp ảnh chứng minh nhân dân của mình gửi cho A. A sử dụng máy tính (laptop) của mình dùng phần mềm photoshop tạo hình ảnh có hình biển số, giấy đăng ký mô tô, xe máy ghi nội dung về thông tin chủ xe là Đoàn Thị D, xe Honda Airblade màu đỏ đen, biển số đăng ký 36F1-579.39 Công an quận 11 thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2018 sau đó gửi tin nhắn qua ứng dụng Facebook Mesenger cho chị D để chị tin tưởng rồi A tiếp tục nhắn tin và gọi điện thoại yêu cầu chị D chuyển tiền đặt cọc qua tài khoản. Ngày 25/01/2018, chị D có nhờ em gái là chị Đoàn Thị Nhật P chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và gửi biên lai chuyển tiền cho chị; chị D chụp ảnh biên lai chuyển tiền gửi qua ứng dụng Messenger cho tài khoản Facebook "Nguyễn Văn D". Chiều ngày 26/01/2018, khi chị D về quê ở huyện L, tỉnh T thì nhận được tin nhắn, điện thoại số thuê bao 0963.139.885 của A gọi cho chị D số thuê bao 01632317478 yêu cầu chuyển tiền rồi mới chuyển xe máy nên chị D đến Ngân hàng phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam (Agribank)-Chi nhánh L, tỉnh T gửi số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C rồi chụp ảnh giấy nộp tiền gửi cho tài khoản Facebook "Nguyễn Văn D". Chiều tối ngày 26/01/2018, A và T, P rút tiền, chiếm đoạt chia nhau sử dụng hết rồi chặn không liên lạc qua tài khoản Facebook với chị D.

1.3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của chị Trịnh Thị E sinh năm 1982 ở thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Ngày 29/01/2018, chị Trịnh Thị E sử dụng tài khoản "Hồng E" đăng nhập

mạng xã hội Facebook thấy tài khoản "Nguyễn Hoàng A" do Nguyễn P sử dụng đăng giao bán xe máy SH giá rẻ với giá 26.000.000 đồng. Qua trò chuyện, chị E tin tưởng đặt mua 01 chiếc xe máy SH; theo yêu cầu của P qua tin nhắn Messenger, chị E chụp căn cước công dân gửi cho P, P có nhắn cho chị E số điện thoại 0963.139.885 để liên lạc. Để chị E tin tưởng, ngày 30/01/2018, P nhờ A sử dụng máy tính và phần mềm Photoshop tạo hình ảnh đăng ký xe máy SH biển số 34B3-474.39, chủ xe là Trịnh Thị E, Công an quận 11 thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/01/2018 và hình ảnh một số đăng ký xe máy ghi người mua xe ở Hải Dương rồi P thông qua tài khoản Facebook "Nguyễn Hoàng A" gửi cho chị E. Tiếp đó A, T sử dụng điện thoại số thuê bao 0963.139.885 gọi cho chị E số thuê bao 01658139482 yêu cầu chị nộp tiền đặt cọc 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C để đưa xe vận chuyển cho chị. Chiều ngày 30/01/2018, chị E đến Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)-Chi nhánh Hải Dương gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C rồi điện thoại vào số 0963.139.885 hỏi bao giờ nhận được xe, thì được trả lời 01 giờ chiều ngày 31/01/2018. Khoảng 13 giờ ngày 31/01/2018, chị nhận được điện thoại từ số 0963.139.885 của A nói xe về đến S rồi và yêu cầu chuyển số tiền còn lại thì chị đến Vietcombank- Chi nhánh Hải Dương- Phòng giao dịch S gửi 24.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C rồi chụp ảnh giấy chuyển tiền gửi vào tài khoản Facebook "Nguyễn Hoàng A" thì chị nhận được điện thoại từ số 0963.139.885 của A yêu cầu chị xé các giấy chuyển tiền để tránh Công an phát hiện nhưng chị không đồng ý. Sau đó chị E không liên lạc được với điện thoại số 0963.139.885. Số tiền 26.000.000 đồng chiếm đoạt được của chị E, A được chia 12.000.000 đồng, P được chia 13.500.000 đồng, T được 500.000 đồng.

1.4. Hành vi chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của anh Lê Văn G sinh năm 1998 ở thôn D, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Ngày 30/01/2018, anh G sử dụng tài khoản facebook "Lê G" lên mạng xã hội facebook thấy tài khoản facebook "Nguyễn Văn D" rao bán xe máy nhập lậu giá rẻ, anh hỏi thì biết giá xe Exciter là 15.000.000đồng; qua trao đổi anh đồng ý mua. Tài khoản "Nguyễn Văn D" có yêu cầu anh chụp ảnh chứng minh nhân dân gửi để làm đăng ký xe máy, anh làm theo. Sau đó tài khoản "Nguyễn Văn D" gửi cho anh hình ảnh có hình đăng ký xe mô tô mang tên anh và yêu cầu anh gửi 2.000.000 đồng đặt cọc vào tài khoản ngân hàng số 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C. Thấy ảnh đăng ký xe mang tên mình nên anh G tin tưởng và đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank)- Chi nhánh M để gửi 2.000.000đồng theo yêu cầu của A. Sau đó A sử dụng tài khoản "Nguyễn Văn D" hẹn anh G ngày hôm sau xe máy được chuyển về Hải Dương. Ngày hôm sau A sử dụng điện thoại di động số 0963.139.885 gọi liên hệ với anh G số thuê bao 0974.603.342 và giới thiệu nhân viên chuyển xe máy và yêu cầu

anh chuyển nốt số tiền 13.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Trần C. Tin A bán xe máy là thật nên anh G tiếp tục đến Viettinbank- Chi nhánh M để gửi số tiền 13.000.000 đồng vào số tài khoản 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C rồi chụp ảnh giấy chuyển tiền gửi cho tài khoản "Nguyễn Văn D". Qua tài khoản "Nguyễn Văn D", A yêu cầu anh xóa nội dung tin nhắn đi và các giấy chuyển tiền, anh G làm theo rồi liên lạc lại thì bị chặn tài khoản và điện thoại mới biết mình bị lừa. Số tiền 15.000.000 đồng chiếm đoạt được của anh G, T và P đi rút tiền; A chia cho T, P mỗi người 500.000 đồng, còn lại A sử dụng.

1.5. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của anh Phạm Quang H sinh năm 1989 ở Đội 7, đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Khoảng đầu tháng 2/2018 anh Phạm Quang H sử dụng tài khoản facebook mang tên "Quang H" lên mạng xã hội thấy tài khoản facebook mang tên "Nguyễn Văn D" rao bán các loại xe máy giá rẻ. Do có nhu cầu mua xe nên anh có liên hệ với tài khoản "Nguyễn Văn D" thỏa thuận mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honđa SH 125cc với giá 26.000.000 đồng; sau đó anh H gửi ảnh chứng minh nhân dân và số điện thoại 0961.354.842 vào tài khoản "Nguyễn Văn D" theo yêu cầu của A để làm đăng ký xe và liên hệ. Sau đó A gửi lại hình ảnh có hình đăng ký xe mô tô mang tên anh H, có biển kiểm soát, đơn vị cấp đăng ký và yêu cầu gửi số tiền 2.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản số 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C để gửi xe từ Đà Nẵng ra Hải Dương. Tin việc chuyển xe máy là thật nên ngày 06/2/2018 anh H đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)- Chi nhánh huyện G gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C, sau đó anh chụp ảnh phiếu chuyển tiền và gửi cho tài khoản "Nguyễn Văn D" để xác nhận. Ngày 07/02/2018 A sử dụng điện thoại số 0963.139.885 gọi đến điện thoại của anh H giới thiệu là nhân viên chuyển hàng rồi hẹn anh địa điểm nhận hàng. Sau đó qua liên lạc điện thoại nhiều lần thì A nói là có công an nên đợi và yêu cầu anh ra ngân hàng gửi số tiền còn lại để gửi xe. Anh H tin tưởng nên đến Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-Phòng giao dịch G gửi số tiền 24.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C rồi gọi điện báo cho A đã chuyển tiền thì A yêu cầu chụp ảnh biên lai giấy chuyển tiền để xác nhận, anh làm theo. Theo yêu cầu của A, anh H xé giấy chuyển tiền thì ngay sau đó A chặn không liên lạc qua tài khoản facebook "Nguyễn Văn D" và điện thoại của anh H. Số tiền 26.000.000 đồng chiếm đoạt của anh H, T và P đi rút tiền; A chia cho T, P mỗi người 500.000 đồng, còn lại A sử dụng.

1.6. Hành vi chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng của chị Phạm Thị I sinh năm 1992 ở Đội 2, thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Khoảng cuối tháng 2/2018 chị Phạm Thị I sử dụng tài khoản facebook mang tên "Anna Phuong" thấy có tài khoản facebook "Nguyễn Văn D" rao bán xe máy trên các trang mua bán của facebook với giá rẻ, vì đang có nhu cầu mua

xe máy để đi làm nên chị đã liên hệ với tài khoản facebook "Nguyễn Văn D" thỏa thuận mua chiếc xe máy SH 125cc với giá 28.000.000 đồng rồi gửi cho tài khoản "Nguyễn Văn D" ảnh chứng minh nhân dân để làm đăng ký xe. Sau đó, tài khoản "Nguyễn Văn D" gửi cho chị một bức ảnh chụp đăng ký xe mô tô biển 34B3-474.39 đứng tên chủ xe, địa chỉ của chị I và yêu cầu chị gửi đặt cọc số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 040065201331 mang tên Nguyễn Trần C. Tưởng việc bán xe là thật nên, ngày 27/02/2018 chị I đến Bưu điện ở khu T - Phường Q -Thành phố H gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và gửi hình ảnh giấy chuyển tiền cho tài khoản "Nguyễn Văn D". Qua điện thoại và tài khoản Facebook, A hẹn chị I sau vài ngày xe chuyển về đến Hải Dương thì nhận xe và thanh toán nốt số tiền còn lại. Ngày 28/02/2018 từ điện thoại số 0963.139.885 của Nguyễn Văn A gọi đến điện thoại của chị I số thuê bao 0962.794.136 giới thiệu là nhân viên vận chuyển xe, hẹn chị địa điểm giao xe và yêu cầu gửi số tiền còn lại để giao xe. Chị I đến bưu điện chuyển số tiền 16.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và gọi điện cho A đề nghị cho trả góp số tiền 10.000.000 đồng thì A giả vờ đồng ý. Sau đó A chặn tại khoản facebook và điện thoại làm cho chị I không liên lạc được. Số tiền 18.000.000 đồng chiếm đoạt của chị I, T và P đi rút tiền; A chia cho T, P mỗi người 500.000 đồng, còn lại A sử dụng.

1.7. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của chị Vũ Thị Hương K, sinh ngày 23/9/1989 ở 70/133 đường M, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Ngày 19/3/2018, chị Vũ Thị Hương K sử dụng tài khoản "Vũ Hương K" đăng nhập mạng xã hội Facebook thấy tài khoản "Nguyễn Văn D" đăng giao bán xe máy SH giá rẻ và ai có nhu cầu mua liên lạc qua số điện thoại 0963.139.885. Qua trao đổi, chị K tin tưởng đặt mua 01 chiếc xe máy SH với giá 26.000.000 đồng; theo yêu cầu của A chị K chụp chứng minh nhân dân gửi tin nhắn Messenger và trong ngày 19/3/2018 chị chuyển số tiền đặt cọc 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C. Sau đó, qua tin nhắn Messenger A gửi cho chị K hình ảnh đăng ký xe máy SH, chủ xe là Vũ Thị Hương K và hẹn ngày hôm sau sẽ nhận được xe vì đang vận chuyển từ Đà Nẵng đến Hải Dương. Trong hai ngày 19,20/3/2018 T sử dụng điện thoại số 01653825256 gọi cho chị K số thuê bao 01673159423 nhiều lần hẹn chuyển xe máy và yêu cầu chuyển số tiền 24.000.000 đồng còn lại vào tài khoản Nguyễn Trần C. Khoảng 13 giờ ngày 20/3/2018, qua tin nhắn Messenger A gửi cho chị K hình ảnh xe ô tô vận chuyển xe máy và yêu cầu chị gửi số tiền còn lại vào tài khoản Nguyễn Trần C. Khoảng 14 giờ cùng ngày chị K đến Bưu điện Hải Dương vào quầy dịch vụ chuyển tiền gửi 02 lần tổng số tiền 24.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và chụp ảnh giấy chứng nhận chuyển tiền gửi cho tài khoản Facebook "Nguyễn Văn D". Khi nhận được tiền chị K chuyển, A chặn tài khoản Facebook và số điện thoại

của chị K. Số tiền 26.000.000 đồng chiếm đoạt được của chị K, T và P rút hết và được A chia cho P 500.000 đồng, T được 13.000.000 đồng còn A được 12.500.000 đồng.

2. Các hành vi chiếm đoạt tài sản do Nguyễn Văn A cùng Nguyễn Văn T thực hiện.

2.1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của anh Lưu Văn L sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vào khoảng đầu tháng 4/2018 anh L sử dụng tài khoản Facebook "Lưu Xuân L" liên lạc với tài khoản Facebook mang tên "Nguyễn Văn D" thấy tài khoản này rao bán xe máy giá rẻ nên anh hỏi mua một chiếc xe máy SH 125cc với giá là 27.000.000 đồng và gửi ảnh chứng minh nhân dân theo yêu cầu của A để làm đăng ký xe. Sau đó qua tài khoản facebook "Nguyễn Văn D", A gửi ảnh đăng ký xe mô tô mang tên anh L để tạo niềm tin và Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại số 01653825256 gọi cho anh L yêu cầu nộp đặt cọc số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 040065021331 mang tên Nguyễn Trần C. Chiều ngày 03/4/2018 anh L đến Vietinbank-Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C. Ngày hôm sau, T tiếp tục gọi điện thoại cho anh L bảo nhận xe và yêu cầu chuyển tiền tiếp thì anh L nghi ngờ bị lừa nên nói nhờ cơ quan công an để kiểm tra đăng ký xe mô tô thì T tắt máy không liên lạc với anh L. Số tiền 2.000.000 đồng chiếm đoạt được của anh L, A rút và sử dụng hết, không chia cho T.

2.2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 31.000.000 đồng của anh Phạm Mạnh M sinh năm 1989 ở số 444 thôn Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Ngày 04/4/2018 anh Phạm Mạnh M sử dụng tài khoản Facebook là "Mạnh M" nhắn tin qua ứng dụng Messenger với tài khoản "Nguyễn Văn D" hỏi mua 01 chiếc xe SH màu trắng, A thông báo với anh M giá xe 31.000.000đ, anh M đồng ý mua. Theo yêu cầu nộp tiền đặt cọc của A, anh M nói với vợ là chị Trần Thị Mai N sinh năm 1993 đến Phòng giao G Lộc-Huyện G-Tỉnh Hải Dương gửi số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 040065021331 mang tên Nguyễn Trần C, sau đó anh M nhắn tin chuyển hình ảnh giấy nộp tiền, ảnh chụp chứng minh nhân dân đứng tên chị Trần Thị Mai N để làm giấy tờ xe theo yêu cầu của A. A sử dụng phần mềm Photoshop trên máy tính tạo hình ảnh có hình giấy đăng ký xe máy gắn biển số 34-B2 707.04 cấp cho chủ xe là Trần Thị Mai N rồi nhắn tin chuyển lại cho anh M. Sau đó A sử dụng điện thoại số 0963139885 và T sử dụng điện thoại số 01653825256 gọi cho anh M số thuê bao 0868343989 nhiều lần hẹn chuyển xe máy cho anh M và yêu cầu anh chuyển số tiền 29.000.000 đồng. Qua điện thoại và tin nhắn của A, T, anh M tin tưởng nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/4/2018 anh M đến điểm giao dịch Viettel ở thị trấn M rồi chuyển số tiền 29.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C. Sau đó A, T chặn số điện thoại và chặn tài khoản facebook để anh M

không liên lạc được. Số tiền 31.000.000 đồng chiếm đoạt của vợ chồng anh M, chị N A đã rút sử dụng hết, không chia cho T.

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của chị Nguyễn Thùy Q sinh năm 1995 ở T, phường X, thành phố H, tỉnh Hải Dương do Nguyễn Văn A độc lập thực hiện.

Ngày 10/4/2018, chị Q sử dụng tài khoản Facebook "Ha Nguyen" đăng nhập mạng xã hội biết tài khoản Facebook "Nguyễn Văn D" giao bán xe máy với giá rẻ nên đã liên lạc đặt mua xe máy SH với giá 26.000.000 đồng. A yêu cầu chị Q chuyển hình ảnh chứng minh nhân dân và nộp đặt cọc số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 040065201331 đứng tên chủ tài khoản là Nguyễn Trần C. Ngày 10/4/2018 chị Q đến Bưu điện Hải Dương chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C và gửi hình ảnh giấy chuyển tiền cho A. Sau đó, qua tài khoản Facebook, A gửi cho chị Q hình ảnh chiếc xe máy SH có gắn biển số 34-B2 707.04**,** hình ảnh có hình đăng ký xe máy 34-B2 707.04 cấp ngày 11/4/2018 cho chủ xe là Nguyễn Thùy Q rồi yêu cầu chị Q chuyển số tiền còn lại rồi giao xe máy. Ngày 11/4/2018 chị Q đến Bưu điện Hải Dương chuyển 2 lần: 20.000.000 đồng và 4.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Trần C rồi chụp hình ảnh giấy nộp tiền gửi cho A. Sau đó chị Q liên lạc với A để yêu cầu giao xe máy thì bị chặn số điện thoại và tài khoản Facebook. Số tiền chiếm đoạt được của chị Q, A rút và sử dụng cá nhân.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố H quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A; điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T; điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn P;

Căn cứ Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; khoản 2, 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T và Nguyễn P phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn P 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường; các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 29/01/2019, các bị cáo A, T, P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Cả 3 bị cáo A, T, P đều xác nhận cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Các bị cáo trình bày tại cấp phúc thẩm đã tác động gia đình nộp thêm 20.200.000đ tiền bồi thường và án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo P xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo. Các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại gồm các anh/chị Đoàn Thị D, Lê Văn G, Vũ Thị Mai B, Trịnh Thị E có mặt, yêu cầu bị cáo và gia đình nhanh chóng bồi thường nốt số tiền còn lại đồng thời đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là đều tác động gia đình nộp trước án phí hình sự sơ thẩm và một phần tiền bồi thường, bị cáo P cung cấp Giấy chứng nhận gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo. Xử phạt bị cáo A từ 7 năm 3 tháng đến 7 năm 6 tháng tù; xử phạt bị cáo T từ 5 năm 9 tháng đến 6 năm tù; xử phạt bị cáo P từ 5 năm 3 tháng đến 5 năm 6 tháng tù. Do bị cáo P thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại cấp sơ thẩm cùng những chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, Nguyễn P đã cùng nhau có hành vi sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook, giao bán xe máy với giá rẻ để nhiều người trên các địa bàn thành phố H và các huyện G, S, M, K, M thuộc tỉnh Hải Dương tin tưởng đặt mua; sau khi họ chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản ngân hàng (do A nhờ người đứng tên mở tài khoản), A cùng đồng phạm tạo ra hình ảnh xe máy và đăng ký xe máy mang tên người mua rồi gọi điện, nhắn tin yêu cầu chuyển số tiền còn lại sẽ chuyển xe. Sau khi người mua chuyển đủ tiền mua

xe vào tài khoản, A chỉ đạo T, P rút tiền chiếm đoạt được chia nhau sử dụng cá nhân và chặn số điện thoại, tài khoản Facebook của các bị hại để không liên lạc được. Cụ thể đã chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng của chị Vũ Thị Mai B và anh Đào Tiến C, 17.000.000 đồng của chị Đoàn Thị D, 26.000.000 đồng của chị Trịnh Thị E, 15.000.000 đồng của anh Lê Văn G, 26.000.000 đồng của anh Phạm Quang H, 18.000.000 đồng của chị Phạm Thị I, 26.000.000 đồng của chị Vũ Thị Hương K, 31.000.000 đồng của anh Phạm Mạnh M và chị Trần Thị Mai N, 2.000.000 đồng của anh Lưu Xuân L**,** 26.000.000 đồng của chị Nguyễn Thùy Q; tổng số tiền đã chiếm đoạt là 212.000.000 đồng *(Hai trăm mười hai triệu đồng)*. Cụ thể số tiền các bị cáo A, T, P chiếm đoạt lần lượt là 210.000.000đ; 186.000.000đ; 153.000.000đ. Bản thân bị cáo A, T, P không có nghề nghiệp, sử dụng số tiền chiếm đoạt được làm nguồn sống chính.

Vì vậy hành vi đó của các bị cáo đã bị TAND thành phố H xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS đối với bị cáo A và theo điểm b, c khoản 2 Điều 174 BLHS đối với bị cáo T và P là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Trong vụ án đồng phạm này, bị cáo A là người chuẩn bị, chỉ đạo và hưởng lợi nhiều nhất nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo T và P lần lượt có 09 và 07 hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai, thứ ba trong vụ án.

Bị cáo A và P có nhân thân tốt, bị cáo T đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng đã được xóa.

Ba bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, không có nghề nghiệp mà sử dụng số tiền chiếm đoạt được làm nguồn sống chính nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo A đã tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo A 07 năm 09 tháng tù; bị cáo T 06 năm 06 tháng tù và bị cáo P 06 năm tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp trước 20.200.000đ tiền án phí và để bồi thường trách nhiệm dân sự, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của các bị cáo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa bị hại gồm Đoàn Thị D, Lê Văn G, Vũ Thị Mai B, Trịnh Thị E đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo P cung cấp thêm

tình tiết thuộc hộ nghèo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, tại cấp phúc thẩm các bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Bị cáo P thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Cần hoàn trả cho bị cáo P tiền án phí hình sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T, Nguyễn P; sửa bản án sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn A.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn P.

- Căn cứ Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; khoản 2, 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn A 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn P 05 (Năm) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/4/2018.

2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn A đã nộp 20.200.000đ (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền bồi thường trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số AA/2011/06903 và AA/2011/06904 ngày 15/02/2019 (do ông Nguyễn Đ nộp thay).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 20.200.000đ (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền bồi thường trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số AA/2011/06905 và AA/2011/06906 ngày 15/02/2019 (do bà Đào Thị L nộp thay).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn P đã nộp 20.200.000đ (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền bồi thường trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số AA/2011/06901 và AA/2011/06902 ngày 15/02/2019 (do ông Nguyễn Q nộp thay).

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn P. Hoàn trả bị cáo Nguyễn P 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm do ông Nguyễn Q nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số AA/2011/06902 ngày 15/02/2019.

- Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 03/4/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TP.H (2 bản);
- VKSND TP.H;
- CQCSĐT, CQTHAHS - Công an TP.H;
- THADS TP.H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy